

THỰC TRẠNG HÚT THUỐC LÁ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI QUẬN TÂN BÌNH NĂM 2023

Lê Thị Châu An¹, Nguyễn Hoàng Phúc Nguyễn¹, Trương Thành Nhân¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: mô tả thực trạng hút thuốc lá ở nhóm đối tượng học sinh trung học phổ thông trên địa bàn quận Tân Bình và phân tích một số mối liên quan đến các hành vi hút thuốc lá ở nhóm đối tượng này.

Đối tượng và phương pháp: nghiên cứu cắt ngang 1.402 học sinh đang theo học bậc trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận Tân Bình.

Kết quả: có 9,9% học sinh đã từng sử dụng các sản phẩm của thuốc lá với tuổi trung bình lần đầu sử dụng là 15 tuổi. Hiện trạng sử dụng thuốc lá trong 1 tháng qua là 4,7%, trong đó có 3,7% sử dụng thuốc lá điện tử. Nghiên cứu đã tìm thấy một số yếu tố về đặc điểm dân số xã hội và gia đình có người hút thuốc lá có liên quan đến tỉ lệ hút thuốc lá của học sinh. Ngoài ra, nhìn thấy người hút thuốc lá trong trường học và được bạn bè, người thân giới thiệu về các loại thuốc lá làm tăng tỉ lệ hút thuốc lá của học sinh.

Kết luận: Cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan y tế, cơ sở giáo dục và các ban, ngành đoàn thể tại địa phương trong công tác truyền thông giảm tác hại của thuốc lá trong đối tượng học sinh trung học phổ thông.

Từ khóa: Hút thuốc lá, trung học phổ thông, quận Tân Bình.

REAL SITUATION OF SMOKING AND RELATED FACTORS OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN TAN BINH DISTRICT IN 2023

SUMMARY

¹ Trung tâm Y tế quận Tân Bình

Người phản hồi (Corresponding): Lê Thị Châu An (chauanle@gmail.com)

Ngày nhận bài: 19/12/2023, ngày phản biện: 27/12/2023

Ngày bài báo được đăng: 30/12/2023

Objective: describe the current situation of smoking among high school students in Tan Binh district and analyze some relationships with smoking behaviors in this group of people.

Subjects and methods: cross-sectional study of 1,402 students attending high school at educational institutions in Tan Binh district.

Results: 9.9% of students have ever used tobacco products with the average age of first use being 15 years old. Current tobacco use in the past month is 4.7%, of which 3.7% use e-cigarettes. Research has found a number of factors about socio-demographic characteristics and families with smokers that are related to the smoking rate of students. In addition, seeing people smoking in school and being introduced to cigarettes by friends and relatives increases the smoking rate of students.

Conclusion: It is necessary to continue to coordinate closely between health agencies, educational institutions and local departments and unions in communication work to reduce the harmful effects of tobacco among high school students. .

Keywords: Smoking, high school, Tan Binh district.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các bệnh không lây nhiễm là nguyên nhân hàng gây ra tử vong và bệnh tật ở khu vực Thái Bình Dương với tỉ lệ tử vong là 86%, sử dụng thuốc lá là một trong những nguyên nhân chính trực tiếp gây ra hoặc làm trầm trọng hơn các nhóm bệnh này [1]. Việt Nam là một trong 15 quốc gia có tỉ lệ nam giới trưởng thành hút thuốc lá cao nhất thế giới cũng như đứng thứ ba trong khu vực ASEAN [2]. Điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá trong thanh thiếu niên (GYTS) tại Việt Nam cho thấy tỉ lệ hút thuốc lá điện tử ở nhóm trên 15 tuổi tăng 18 lần trong giai đoạn 2015 đến 2020 (từ 0,2% tăng lên 3,6%), đặc biệt tập trung trong nhóm từ 15 đến 25 tuổi (7,3%) [3]. Tại quận Tân Bình, thành phố Hồ

Chí Minh chưa có số liệu thực tế về thực trạng hút thuốc lá ở học sinh trung học phổ thông, mặc dù có 12 cơ sở giáo dục và hơn 6.000 học sinh trong bậc học này. Nhằm kịp thời đưa ra giải pháp cho tình trạng hút thuốc lá ở nhóm đối tượng trên và làm cơ sở tham chiếu cho các địa phương khác, nghiên cứu tiến hành khảo sát tỉ lệ hút thuốc lá và các yếu tố liên quan ở học sinh trung học phổ thông trên địa bàn quận Tân Bình năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Đối tượng: học sinh trung học phổ thông đang học tập tại các cơ sở giáo dục

trên địa bàn quận Tân Bình.

Thời gian khảo sát: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 30/7/2023.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang mô tả

Cỡ mẫu nghiên cứu: áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho một tỉ lệ với sai số tương đối:

$$n = \frac{Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2 (1-P)}{P\varepsilon^2}$$

Trong đó:

- Z: mức ý nghĩa thống kê mong muốn (với $\alpha = 0,05$, ta có $Z = 1,96$).

- P: 0,14 (Tỉ lệ phần trăm học sinh trung học phổ thông đã từng hút thuốc lá (bất cứ loại nào), theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Xuân và cộng sự (2019) [4]).

- ε : độ chính xác tương đối (0,2).

Cỡ mẫu tối thiểu là 590. Với phương pháp chọn mẫu cụm nên hệ số thiết kế là 2 và dự trừ 20% trường hợp phỏng vấn không đạt yêu cầu, cỡ mẫu dự

kiến cho nghiên cứu là 1.416 học sinh.

Phương pháp chọn mẫu: sử dụng kỹ thuật chọn mẫu cụm PPS (Probability Proportionate to Size) với đơn vị cụm là lớp học. Tổng số mẫu cần khảo sát là 1.416, trung bình 1 lớp có 36 học sinh. Vậy tổng số lớp cần khảo sát: $1416/36 = 40$ lớp tương ứng với 40 cụm.

Biến số nghiên cứu: các thông tin hành vi hút thuốc lá, các đặc điểm về dân số xã hội, đặc điểm về gia đình và môi trường sống của học sinh.

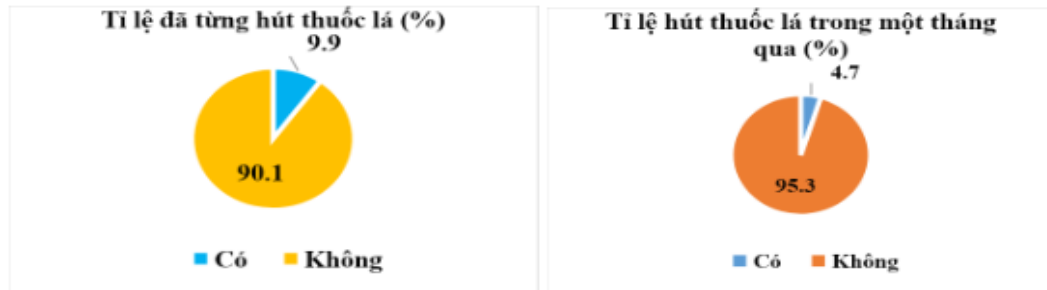
Phương pháp thu thập thông tin: số liệu sơ cấp thu thập qua hình thức phát vấn dựa trên bộ công cụ “Youth Risk Behavior Surveillance System” (YRBSS) đã được chuẩn hóa của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hoa Kỳ [5].

Xử lý và phân tích số liệu: số liệu sau khi làm sạch được xử lý bằng phần mềm Stata 17.0. Test kiểm định χ^2 được sử dụng để xác định mối liên quan và tỉ lệ PR để lượng giá mối liên quan.

Đạo đức nghiên cứu: được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học bệnh viện Nguyễn Tri Phương số 1595/NTP-HĐĐĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tỷ lệ hút thuốc lá của đối tượng tham gia nghiên cứu



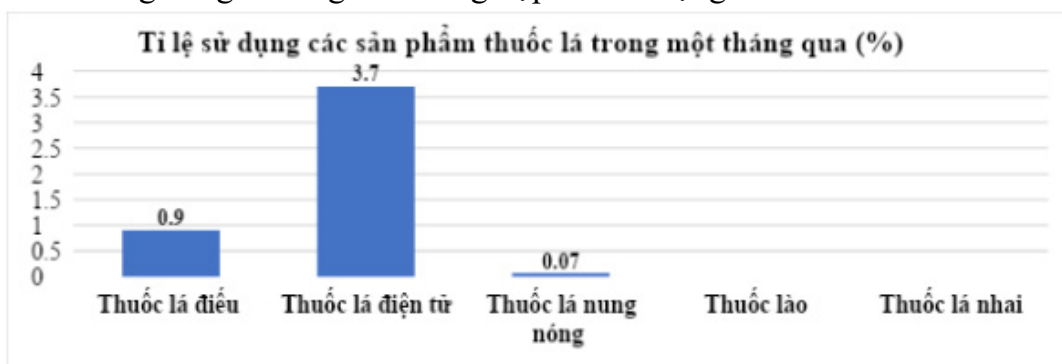
Hình 1. Tỷ lệ hút thuốc lá và có hút thuốc lá trong một tháng qua

Trong tổng số 1.402 học sinh tham gia nghiên cứu, đã có 9,9% từng sử dụng sản phẩm của thuốc lá và 4,7% vẫn đang sử dụng thuốc lá trong một tháng qua.

Bảng 1. Tuổi lần đầu tiên hút thuốc lá

Thông tin	Tần số	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Min	Max
Tuổi	145	15,01	1,702	10	20

Trong tổng số 145 trường hợp đã từng sử dụng thuốc lá, độ tuổi trung bình lần đầu tiên hút thuốc lá là 15 tuổi, dao động từ 10 đến 20 tuổi. Hình 2 cho thấy trong những trường hợp có sử dụng sản phẩm của thuốc lá trong một tháng qua, tỷ lệ sử dụng thuốc lá điện tử chiếm tỷ lệ cao nhất là 3,7%. Có 0,9% sử dụng thuốc lá điếu và 0,07% có sử dụng thuốc lá nung nóng. Không có trường hợp nào sử dụng thuốc lá và thuốc lá nhai.



Hình 2. Sản phẩm thuốc lá sử dụng trong một tháng qua

3.2. Mối liên quan giữa tỉ lệ HTL và đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Mối liên quan giữa tỉ lệ HTL và đặc điểm dân số - xã hội

Thông tin	HTL [n(%)]		p	PR (KTC 95%)
	Có	Không		
Cơ sở giáo dục				
Công lập	86 (9,0)	870 (91,0)		1
Ngoài công lập	36 (10,6)	303 (89,4)	0,378	1,18 (0,82 – 1,7)
Trung tâm GDTX	17 (15,6)	90 (84,1)	0,020	1,77 (1,09 – 2,85)
Giới				
Nam	75 (12,9)	505 (87,1)	0,02	0,60 (0,43 - 0,83)
Nữ	64 (7,8)	758 (91,2)		
Dân tộc				
Kinh	122 (9,2)	1.199 (90,8)	0,001	2,27 (1,44 – 3,58)
Khác	17 (21,0)	64 (79,0)		
Xếp loại học tập học kỳ gần nhất				
Tốt	40 (7,7)	480 (92,3)		1
Khá	75 (9,0)	756 (91,0)	0,395	1,17 (0,81 – 1,69)
Đạt	17 (43,6)	22 (56,4)	0,00*	5,67 (3,56 – 9,02)
Chưa đạt	7 (58,3)	5 (41,7)	0,00*	7,58 (4,13 – 12,32)

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa các đặc điểm dân số xã hội và tỉ lệ hút thuốc lá của học sinh. Cụ thể, những học sinh theo học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên có tỉ lệ hút thuốc lá cao gấp 1,77 lần so với những học sinh theo học tại cơ sở giáo dục công lập. Những học sinh nữ hút thuốc lá chỉ bằng 0,6 lần so với học sinh nam. So với dân

tộc Kinh, những học sinh thuộc dân tộc khác hút thuốc lá cao gấp 2,27 lần. Về xếp loại học lực ở học kỳ gần nhất, Bảng 2.2 cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa học lực “Đạt” và “Chưa đạt” với tỉ lệ hút thuốc lá. Những học sinh có học lực “Đạt” và “Chưa đạt” có tỉ lệ hút thuốc lá lần lượt cao gấp 5,67 lần và 7,58 lần so với những học sinh có học lực “Tốt”.

3.3. Mối liên quan giữa tỉ lệ hút thuốc lá và đặc điểm gia đình

Bảng 3. Mối liên quan giữa tỉ lệ HTL và thông tin về gia đình

Thông tin	HTL [n(%)]		p	PR (KTC 95%)
	Có	Không		
Số anh/chị/em trong gia đình				
Không có anh/chị/em	14 (6,6)	197 (93,4)		1
Từ 01 – 02 anh/chị/em	106 (10,1)	948 (89,9)	0,129	1,51 (0,88 – 2,60)
Có trên 02 anh/chị/em	19 (13,9)	118 (86,1)	0,028	2,09 (1,08 – 4,02)
Đối tượng đang sống chung				
Cha/Mẹ, Ông/Bà	124 (9,1)	1.245 (90,9)		1
Chị Ông/Bà	7 (70,0)	3 (30,0)	0,000*	7,7 (4,98 – 11,99)
Đối tượng khác	8 (34,8)	15 (65,2)	0,000	3,84 (2,14 – 6,88)
Trong gia đình có người HTL				
Có	42 (5,6)	707 (94,4)	0,000	2,63 (1,87 – 3,7)
Không	97 (14,9)	556 (85,1)		

* *Kiểm định chính xác Fisher*

Số anh/chị/em trong gia đình, đối tượng mà học sinh đang sống chung và trong gia đình có người hút thuốc lá được tìm thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tỉ lệ hút thuốc lá của học sinh. Trong đó, tỉ lệ hút thuốc lá cao gấp 2,09 lần giữa những học sinh có hơn 2 anh/chị/em trong gia đình so với những học sinh chỉ có 1 anh/chị/em. So với việc sống cùng Cha/Mẹ, Ông/Bà thì những học sinh chỉ sống với Ông/Bà có tỉ lệ hút thuốc lá cao gấp

7,7 lần. Tương tự, những học sinh đang sinh sống với người thân khác (không phải Cha/Mẹ, Ông/Bà) có tỉ lệ hút thuốc lá cao gấp 3,84 lần so với những học sinh sống cùng Cha/Mẹ, Ông/Bà. Những học sinh mà gia đình có người hút thuốc lá có tỉ lệ hút thuốc lá cao gấp 2,63 lần so với những học sinh trong gia đình không có người hút thuốc lá.

3.4. Mối liên quan giữa tỉ lệ hút thuốc lá và môi trường sống

Bảng 4. Mối liên quan giữa tỉ lệ HTL và môi trường sống

Thông tin	HTL [n(%)]		p	PR (KTC 95%)
	Có	Không		
Nhìn thấy người HTL trong trường học				
Có	17 (4,9)	330 (95, 1)	0,000	2,36 (1,44 – 3,86)
Không	122 (11,6)	933 (88,4)		
Nhìn thấy quảng cáo thuốc lá				
Có	29 (9,7)	271 (90,3)	0,872	1,03 (0,70 – 1,52)
Không	110 (10,0)	992 (90,0)		
Được bạn bè, người thân giới thiệu về các loại thuốc lá				
Có	97 (31,6)	210 (68,4)	0,000	2,87 (2,42 – 3,40)
Không	42 (3,8)	1.053 (96,2)		
Nhìn/nghe thấy thông điệp phòng, chống tác hại của thuốc lá				
Có	137 (9,9)	1.235 (90,1)	0,761	0,66 (1,73 – 2,57)
Không	2 (6,7)	28 (93,3)		

Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tỉ lệ hút thuốc lá và các yếu tố: nhìn thấy người hút thuốc lá trong trường học và được bạn bè, người thân giới thiệu về các loại thuốc lá. Cụ thể, những học sinh đã từng nhìn thấy người hút thuốc lá trong trường học có tỉ lệ hút thuốc lá cao gấp 2,36 lần so với những học sinh khác. Những học sinh được bạn bè, người thân giới thiệu về các loại thuốc lá có tỉ lệ hút thuốc lá cao gấp 2,87 lần so với các học sinh còn lại.

4. BÀN LUẬN

Trong nhóm nghiên cứu, tỉ lệ học sinh từng sử dụng các sản phẩm thuốc lá là 9,9% và 4,7% vẫn đang sử dụng thuốc lá trong vòng một tháng qua. Kết quả này

gần như tương đương với kết quả Khảo sát Hành vi sức khỏe học sinh toàn cầu (GSHS) tại Việt Nam năm 2019 [6]. Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh sử dụng thuốc lá điện tử trong nghiên cứu này cao hơn so với GSHS 2019 (3,1%) và nghiên cứu của Lê Minh Đạt và cộng sự tại Hà Nội năm 2020 (3,4%) [7]. So sánh với số liệu tại khu vực Đông Nam Á, tỉ lệ sử dụng thuốc lá điện tử của học sinh THPT tại quận Tân Bình thuộc mức thấp (dao động từ 3,3% đến 11,8% theo nghiên cứu của Jane Ling và cộng sự 2023) [8].

Kết quả nghiên cứu cho thấy, học sinh học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên có nguy cơ hút thuốc lá cao gấp 1,77 lần so với cơ sở giáo dục công lập.

Điều này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Xuân và cộng sự tại Hà Nội khi có kết quả là nguy cơ gấp 2 lần [4]. Bên cạnh đó, học sinh nam có nguy cơ hút thuốc lá cao gấp 1,66 lần học sinh nữ. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Xuân và cộng sự cho kết quả cao hơn khi nguy cơ hút thuốc lá ở nam giới cao gấp 2,6 lần nữ giới. Dân tộc cũng là một yếu tố nguy cơ khi những học sinh dân tộc thiểu số có nguy cơ hút thuốc lá gấp 2,27 lần học sinh dân tộc Kinh. Ngược lại, kết quả học tập xếp loại tốt là một yếu tố bảo vệ khi học sinh có học lực chưa đạt và đạt có nguy cơ hút thuốc lá cao gấp nhiều lần so với học sinh học lực tốt (lần lượt 7,58 lần và 5,67 lần).

Gia đình có trên 02 anh/chị/em là yếu tố nguy cơ khi tỉ lệ hút thuốc lá ở nhóm này cao gấp 2,09 lần so với nhóm là con duy nhất trong gia đình. Bên cạnh đó, học sinh chỉ sống chung với Ông/Bà, có người hút thuốc lá trong gia đình là những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến tỉ lệ hút thuốc lá ở học sinh THPT.

Những học sinh từng nhìn thấy người hút thuốc lá trong trường học có nguy cơ hút thuốc lá cao gấp 2,36 lần so với nhóm còn lại. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Xuân và cộng sự khi cho ra kết quả là 2,063 lần [4]. Ngoài ra, bạn bè, người thân giới thiệu về các loại thuốc lá cho học sinh cũng làm nguy cơ hút thuốc lá ở nhóm đối tượng này

cao gấp 2,87 lần so với nhóm còn lại.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu phát hiện có 9,9% từng sử dụng sản phẩm của thuốc lá và 4,7% vẫn đang sử dụng thuốc lá trong một tháng qua. Thuốc lá điện tử là sản phẩm thuốc lá được học sinh sử dụng phổ biến nhất trong một tháng gần nhất. Nghiên cứu cũng tìm thấy một số yếu tố có khả năng làm tăng tỉ lệ hút thuốc lá của học sinh, bên cạnh các đặc điểm dân số - xã hội là yếu tố gia đình và môi trường sống của học sinh. Đặc biệt là trong gia đình có người hút thuốc lá, nhìn thấy người hút thuốc lá trong trường học và được bạn bè, người thân giới thiệu về các loại thuốc lá. Đây là những điểm cần lưu ý trong quá trình xây dựng nội dung truyền thông hướng tới các đối tượng đích và quá trình theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện. Qua đó, giúp công tác phòng, chống tác hại thuốc lá của Trung tâm Y tế nói riêng và quận Tân Bình nói chung có những định hướng cụ thể, phù hợp với tình hình hút thuốc lá của học sinh thông qua kết quả của nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Kế hoạch Hành động về Kiểm soát Thuốc lá khu vực Tây Thái Bình Dương (2020 - 2030). Phần đầu vì một khu vực khoẻ mạnh, không thuốc lá 2020.
2. WHO, Bộ Y tế. Điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá trong thanh thiếu

niên (GYTS) Việt Nam 2014. 2014.

3. WHO, Bộ Y tế. Điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá trong thanh thiếu niên (GYTS) Việt Nam 2022. 2022.

4. Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Việt Anh, Trần Đỗ Bảo Nghi, et al (2019). Thực trạng hút thuốc lá ở học sinh một số trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2019. Tạp chí Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển. 2019;04.

5. Center for Disease Control and Prevention (CDC) (1991), YRBS Questionnaire Content.

6. WHO, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và

Đào tạo. Báo cáo Khảo sát Hành vi sức khỏe học sinh toàn cầu tại Việt Nam 2019. 2021.

7. Lê Minh Đạt, Lê Thị Thanh Hương, Đỗ Ngọc Sơn, et al (2020). Thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử của thanh thiếu niên 15 - 24 tuổi tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Y tế công cộng. 2020;57 - 12/2021.

8. Jane Ling MY, Abdul Halim AFN, Ahmad D, et al (2023). Prevalence and Associated Factors of E-Cigarette Use among Adolescents in Southeast Asia: A Systematic Review. Int J Environ Res